

Bản án số: 49/2021/HS-ST
Ngày: 16/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tân Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trung

Ông Ngô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HS ngày 03/12/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang T, sinh ngày 30/4/1989; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hồng Q và bà Đặng Thị L; Có 03 em, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1999; Vợ: Vũ Hồng A (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 5 thì nghỉ học, lớn lên lập gia đình và sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Ngày 11/9/2018, bị Ủy ban nhân dân huyện B xử phạt vi phạm hành chính 7.500.000đ về hành vi khai thác khoán sản (cát sông) trái phép (đã nộp phạt). Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Lê Thành Tr, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng: Nguyễn Quang T1, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17h30' ngày 06/10/2021, anh em Nguyễn Quang T – sinh năm 1989 và Nguyễn Quang T1 – sinh năm 1989 cùng cư ngụ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre đi bộ ngang nhà ông Lê Văn D tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre thì thấy chiếc xe mô tô biển số 71B1-187.46 của anh Lê Thành Tr – sinh năm 1966 cư ngụ khu phố A, thị trấn B, huyện B (con ông D) nên nảy sinh ý định lấy trộm, T rủ T1 lấy trộm xe nhưng T1 không đồng ý nên T1 đi bộ tiếp; T ở phía sau liền một mình lên xe mô tô 71B1-187.46 điều khiển bỏ chạy đến chỗ T1 kêu T1 lên xe nhưng T1 không đồng ý nên T một mình điều khiển xe tẩu thoát, T1 thấy vậy cũng bỏ chạy bộ theo thì bị anh Tr phát hiện đuổi theo bắt được T1. Sau khi lấy trộm, T chạy xe về nhà cất giấu thì bị Công an phát hiện thu giữ xe.

Vật chứng thu giữ là 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen – bạc, biển số 71B1-187.46, số máy HC12E2897794, số khung 1201BY097775, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả lại cho ông Lê Thành Tr.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 46/KL - HĐĐGTS ngày 08/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen – bạc, biển số 71B1-187.46, số máy HC12E2897794, số khung 1201BY097775 trị giá 6.500.000đ.

Tại Bản Cáo trạng số: 51/CT-VKSBT ngày 19/11/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Về hình phạt: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự ghi nhận bị hại Lê Thành Tr không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

* Về xử lý vật chứng: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự ghi nhận Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen – bạc, biển số 71B1-187.46, số máy HC12E2897794, số khung 1201BY097775 cho bị hại Lê Thành Tr.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô của anh Lê Thanh Tr như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện phụ giúp gia đình.

Bị hại Lê Thanh Tr đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Về trách nhiệm hình sự, anh Tr yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại Lê Thành Tr vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại Lê Thành Tr đã có lời khai thể hiện rõ trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo và những người tiến hành tố tụng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của bị hại. Xét thấy việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Quang T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên Nguyễn Quang T đã có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 71B1-187.46 trị giá 6.500.000đ của ông Lê Thành Tr, vụ việc xảy ra vào khoảng 17h30' ngày 06/10/2021 tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang T

về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người đã trưởng thành và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, chạy lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ sức lao động nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và hậu quả xảy ra đúng như bị cáo mong muốn. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng không biết cải sửa mà lại tiếp tục phạm tội mới. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt tính ra giá trị bằng tiền là không lớn nhưng đó cũng là mồ hôi, công sức của bị hại phải lao động mệt nhọc mới có được. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, mỗi khi sơ hở sẽ bị kẻ gian lén lút chiếm đoạt tài sản. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và HĐXX xét thấy cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tù giam tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung, góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị về áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo của đại diện Viện Kiểm sát có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu xin được hưởng án treo của bị cáo là không phù hợp với quy định của pháp luật và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không được HĐXX chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Bị hại Lê Thành Tr đã nhận lại 01 xe mô tô biển số 71B1-187.46 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên được HĐXX ghi nhận.

Xét thấy cơ quan điều tra đã xử lý giao trả vật chứng của vụ án là 01 xe mô tô biển số 71B1-187.46 cho chủ sở hữu là anh Lê Thành Tr là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:
Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 01 (Một) năm tù.
Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.
3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm.
4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;
Buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.
5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhân:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A (huyện B, tỉnh Bến Tre);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tấn Tài